

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ QUANG ĐỊNH
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nhà Bè, ngày 06 tháng 01 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 4/2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Tiểu học Lê Quang Định công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách Quý 4/2024 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện quý 4/2024	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý 4/2024 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5=4/3	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0	0	0
I	Số thu phí, lệ phí	0	0	0	0
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	0	0	0	0
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	12.052,120	3.532,411	29,31%	103,66%
I	Nguồn ngân sách trong nước	12.052,120	3.532,411	29,31%	103,66%
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	12.052,120	3.532,411	29,31%	103,66%
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	11.668,210	3.532,411	30,27%	106,15%
	Nguồn 13	7.603,21	2.195,495	28,88%	112,28%
6000	Tiền lương	3.397,02	1.088,71	32,05%	116,37%
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo HĐ	416,15	106,98	25,71%	146,75%
6100	Phụ cấp lương	1.540,39	553,52	35,93%	107,26%
6250	Phúc lợi tập thể	2,00	0	0,00%	0,00%
6300	Các khoản đóng góp	1.007,19	319,26	31,70%	119,70%
6400	Các khoản thanh toán cá nhân	544,47	117,081	21,50%	108,30%
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	322,15	0	0,00%	0,00%
6550	Vật tư văn phòng	65,00	0	0,00%	0,00%
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	38,44	0,216	0,56%	4,21%
6700	Công tác phí	42,60	9,00	21,13%	90,45%
6750	Chi phí thuê mướn	35,00	0	0,00%	0,00%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện quý 4/2024	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý 4/2024 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
6900	Sửa chữa, duy tu TSPVCTCM và công trình	40,00	0	0,00%	0,00%
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	67,80	0	0,00%	0,00%
7750	Chi khác	5,00	0,726	14,52%	0,00%
7950	Chi lập các quỹ của đơn vị	80,00	0	0,00%	0,00%
	Nguồn 14	4.065,00	1.336,916	32,89%	47,53%
	Chi thường xuyên từ nguồn CCTL	4.065,00	1336,916	32,89%	194,82%
6400	Các khoản thanh toán cá nhân	4.065,00	1336,916	32,89%	194,82%
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	383,91	0	0,00%	0,00%
6112	Các khoản thanh toán cá nhân	383,91	0	0,00%	0,00%
II	Nguồn vốn viện trợ				
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				



Thủ trưởng đơn vị

Võ Thị Lại

Mã chương: 622

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ QUANG ĐỊNH

Mã ĐVQHNS: 1006683

Mã cấp NS: 3

Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
QUÝ 4 NĂM 2024

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTM T, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Tron g kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
13	072		0	6.637.234.000	2.241.871.122	8.879.105.122	8.879.105.122	2.195.494.800	7.588.264.763	0	0	0	1.290.840.359
14	072		1.363.808.703	5.030.977.000	-882.426.682	4.148.550.318	5.512.359.021	1.336.916.445	4.202.469.569	0	0	0	1.309.889.452
12	072			383.910.000	63.612.037	447.522.037	447.522.037	0	0	0	0	0	447.522.037
18	072				195.201.000	195.201.000	195.201.000						195.201.000
28	072				45.403.000	45.403.000	45.403.000	0	0	0	0	0	45.403.000
Cộng			1.363.808.703	12.052.121.000	1.663.660.477	13.715.781.477	15.079.590.180	3.532.411.245	11.790.734.332	0	0	0	3.288.855.848

Phân KBNN ghi:

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 06 tháng 01 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Kiều Nương Võ Thị Lại

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
QUÝ IV NĂM 2024

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng			Thực chi			Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4		
Kinh phí được giao tự chủ	13	072	6001		0	0	1.088.710.740	3.519.181.438	1.088.710.740	3.519.181.438		
Kinh phí được giao tự chủ	13	072	6051		0	0	106.980.000	417.840.000	106.980.000	417.840.000		
Kinh phí được giao tự chủ	13	072	6101		0	0	19.656.000	64.807.000	19.656.000	64.807.000		
Kinh phí được giao tự chủ	13	072	6105		0	0	0	196.919.932	0	196.919.932	0	196.919.932
Kinh phí được giao tự chủ	13	072	6112		0	0	351.387.363	1.162.967.491	351.387.363	1.162.967.491		
Kinh phí được giao tự chủ	13	072	6113		0	0	7.020.000	30.686.000	7.020.000	30.686.000		
Kinh phí được giao tự chủ	13	072	6115		0	0	143.207.298	441.548.005	143.207.298	441.548.005		
Kinh phí được giao tự chủ	13	072	6157		0	0	32.250.000	55.650.000	32.250.000	55.650.000		
Kinh phí được giao tự chủ	13	072	6301		0	0	230.954.187	756.884.723	230.954.187	756.884.723		
Kinh phí được giao tự chủ	13	072	6302		0	0	40.756.621	133.567.892	40.756.621	133.567.892		
Kinh phí được giao tự chủ	13	072	6303		0	0	27.171.081	80.645.862	27.171.081	80.645.862		
Kinh phí được giao tự chủ	13	072	6304		0	0	13.585.540	44.522.631	13.585.540	44.522.631		
Kinh phí được giao tự chủ	13	072	6349		0	0	6.792.770	22.261.315	6.792.770	22.261.315		
Kinh phí được giao tự chủ	13	072	6449		0	0	117.081.200	534.871.200	117.081.200	534.871.200		
Kinh phí được giao tự chủ	13	072	6501		0	0	0	47.518.374	0	47.518.374	0	47.518.374
Kinh phí được giao tự chủ	13	072	6502		0	0	0	8.854.560	0	8.854.560	0	8.854.560
Kinh phí được giao tự chủ	13	072	6504		0	0	0	9.329.040	0	9.329.040	0	9.329.040

Kinh phí được giao tự chủ	13	072	6608			0	0	216.000	10.331.300	216.000	10.331.300
Kinh phí được giao tự chủ	13	072	6704			0	0	9.000.000	40.050.000	9.000.000	40.050.000
Kinh phí được giao tự chủ	13	072	7004			0	0	0	6.000.000	0	6.000.000
Kinh phí được giao tự chủ	13	072	7756			0	0	726.000	3.828.000	726.000	3.828.000
Cộng						0	0	2.195.494.800	7.588.264.763	2.195.494.800	7.588.264.763
Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương	14	072	6001			0	0	0	333.004.798	0	333.004.798
Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương	14	072	6101			0	0	0	6.293.000	0	6.293.000
Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương	14	072	6112			0	0	0	112.137.524	0	112.137.524
Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương	14	072	6113			0	0	0	868.000	0	868.000
Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương	14	072	6115			0	0	0	40.910.281	0	40.910.281
Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương	14	072	6301			0	0	0	64.633.391	0	64.633.391
Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương	14	072	6302			0	0	0	11.405.891	0	11.405.891
Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương	14	072	6303			0	0	0	15.803.490	0	15.803.490
Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương	14	072	6304			0	0	0	3.799.963	0	3.799.963
Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương	14	072	6349			0	0	0	1.900.982	0	1.900.982
Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương	14	072	6449			0	0	1.336.916.445	3.611.712.249	1.336.916.445	3.611.712.249
Cộng						0	0	1.336.916.445	4.202.469.569	1.336.916.445	4.202.469.569
Tổng cộng						0	0	3.532.411.245	11.790.734.332	3.532.411.245	11.790.734.332

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 06 tháng 01 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Kiều Nương

Võ Thị Lại